

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,
2. Bà Phạm Thị Tứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:

Chị L và anh Đỗ Văn H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 06/7/2012. Quá trình chung sống, anh chị hòa thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống

ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, chị L yêu cầu được ly hôn anh H.

Anh chị có 01 con chung là Đỗ Việt C, sinh ngày 05/01/20xx. Do con có nguyện vọng ở với chị L nên khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi; việc cấp dưỡng cho con, chị tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu anh H giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có L quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định pháp luật. Anh chị chung sống được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay căng thẳng, bất hoà. Từ năm 2017, chị L đi lao động nước ngoài, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau. Khi trở về nước, chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân mỗi người một nơi từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung hiện đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ.

Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ; mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, đã tổng đạt các tài liệu, thông báo, quyết định của Tòa án nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại phiên toà không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn H; giao con Đỗ Việt C, sinh ngày 05/01/20xx cho chị L trực tiếp nuôi đến

khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung: Do anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Đỗ Văn H là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh H) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho anh H; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh H không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (chị L) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh H) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh H.

- Về nội dung:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn H được xác lập từ ngày 06/7/2012, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, bất hoà, chị L đi lao động nước ngoài từ năm 2017 đến khi về nước cũng không về nhà chung sống với anh H. Anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay (từ năm 2017 đến nay), không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn anh H.

[5] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Việt C, sinh ngày 05/01/20xx. Chị L có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi con; cháu C đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, yêu cầu của chị L nhận trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng cháu C. Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, giao con Đỗ Việt C cho chị L trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, chị L tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L xác nhận anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Việt C, sinh ngày 05/01/20xx cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng cho con do đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006708 ngày 20/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị L, anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH năm 2012);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên